

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương
2. Ông Thượng Văn Kình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 320/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978

2. Bi đơn: Anh Lâm K, sinh năm 1972

Cùng cư trú tại: Đường LC, Tổ BS, Khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Các đương sự vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lâm K chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 07 tháng 8 năm 2002.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân

chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt. Chị T nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy.

Đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lâm K.

Về con chung: Chị T và anh Lâm K có 03 người con chung, sau khi ly hôn chị T yêu cầu cụ thể như sau:

- Đối với cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/4/2003, đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Đối với cháu Lâm Bảo N2, sinh ngày 12/11/2006, nếu cháu có nguyện vọng ở với ai thì đề nghị Tòa án giao theo nguyện vọng của cháu;

- Đối với cháu Lâm Gia N3, sinh ngày 02/01/2019, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu anh Lâm K cấp dưỡng;

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lâm K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh K được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn anh Lâm K vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Lâm K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Lâm K là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 26 tháng 10 năm 2021, chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm K; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lâm Gia N3, sinh ngày 02/01/2019; đối với cháu

Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/4/2003, đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Lâm Bảo N2, sinh ngày 12/11/2006, nếu cháu có nguyện vọng ở với ai thì đề nghị Tòa án giao theo nguyện vọng của cháu. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Lâm K đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Lâm K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh K chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 07 tháng 8 năm 2002. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị T và anh K là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, do đó hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện nay chị T và anh K không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc, chị T và anh K không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ anh K không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh K.

[2.2]. *Về con chung*: Chị T và anh K có 03 người con chung là cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/4/2003; cháu Lâm Bảo N2, sinh ngày 12/11/2006 và cháu Lâm Gia N3, sinh ngày 02/01/2019. Sau khi ly hôn, do cháu Lâm Tâm N1 đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết; đồng thời yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Gia N3, sinh ngày 02/01/2019; đối với cháu Lâm Bảo N2 thì chị T tôn trọng ý kiến của con.

Xét thấy, đối với cháu Lâm Tâm N1 đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; đối với cháu Lâm Gia N3, tại thời điểm nộp đơn

khởi kiện thì cháu Gia N3 chưa đủ 36 tháng tuổi và chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Đối với cháu Lâm Bảo N2, quá trình giải quyết vụ án cháu N2 có nguyện vọng được chung sống với anh K, mặc dù anh K không đến Tòa án làm việc nên không xác định được khả năng nuôi con của anh K là như thế nào, tuy nhiên tại biên bản giao nhận ngày 10/01/2022 (BL45), anh K thể hiện quan điểm “Tòa án xử sao cũng được”, hơn nữa anh K và chị T có 03 người con chung, cháu Tâm N1 đã trưởng thành, cháu Gia N3 thì giao cho chị T nên việc giao cháu Bảo N2 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. Án dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng; anh K không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là anh Lâm K.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lâm K.

1.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lâm Gia N3, sinh ngày 02/01/2019; anh Lâm K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lâm Bảo N2, sinh ngày 12/11/2006. Riêng cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/4/2003 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000623 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng